

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng và kết quả giáo dục thực tế
năm học 2025 - 2026

A. CHƯƠNG TRÌNH GDTX CẤP THPT

STT	Nội dung		Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
				Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I		Số học viên xếp loại hạnh kiểm	1116			
1	Tốt	Số lượng	961	266	359	336
		Tỷ lệ	86,11%	78,94%	84,08%	95,45%
2	Khá	Số lượng	134	63	55	16
		Tỷ lệ	12,01%	18,69%	12,88%	4,55%
3	Đạt	Số lượng	20	8	12	0
		Tỷ lệ	1,79%	2,37%	2,81%	0%
4	Chưa Đạt	Số lượng	1	0	1	0
		Tỷ lệ	0,09%	0%	0,23%	0%
5	Chưa đánh	Số lượng	0	0	0	0
		Tỷ lệ	0%	0%	0%	0%
II		Số học viên chia theo học lực	1290			
1	Tốt	Số lượng	94	17	24	53
		Tỷ lệ	8,42%	5,04%	5,62%	15,06%
2	Khá	Số lượng	754	183	300	271
		Tỷ lệ	67,56%	54,31%	70,25%	76,99%
3	Đạt	Số lượng	209	101	80	28
		Tỷ lệ	18,73%	29,97%	18,74%	7,95%
4	Chưa Đạt	Số lượng	59	36	23	0
		Tỷ lệ	5,29%	10,68%	5,39%	0%
III		Tổng hợp kết quả cuối năm				
1	Lên lớp	Số lượng	724	314	410	
		Tỷ lệ	94,76	93,18%	96,02%	
a	Xuất sắc	Số lượng	7	0	1	6
		Tỷ lệ		0%	0,23%	1,70%
b	Giỏi	Số lượng	87	17	23	47
		Tỷ lệ		5,04%	5,39%	13,35%
2	Thi lại	Số lượng	62	36	20	0
		Tỷ lệ		64,5%	35,5%	0%
3	Lưu ban	Số lượng	40	23	17	0
		Tỷ lệ	5,24%	6,82%	3,98%	0%
4	Bỏ học	Số lượng	99	54	28	17
		Tỷ lệ		62%	37%	1%



IV	Số học viên dự xét hoặc thi tốt nghiệp	351			351
	Tỷ lệ	100%			100%
V	Số học viên được công nhận tốt nghiệp	333			333
	Tỷ lệ	94,87%			94,87%

B. CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG

STT	Chương trình bồi dưỡng, đào tạo	Số lớp	Số người tham gia	Thời gian bồi dưỡng, đào tạo	Số người được cấp chứng chỉ (nếu có)
1	Bồi dưỡng nâng cao năng lực tiếng Anh tương đương bậc 2	2	25	Năm học 2025 - 2026	
2	CNTT cơ bản, nâng cao	4	148	Năm học 2025 - 2026	140
	Tổng số	6	173		140

C. CÁC CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT ĐÀO TẠO

STT	Chương trình liên kết đào tạo	Số lớp	Số người tham gia	Thời gian bồi dưỡng, đào tạo	Số người được cấp chứng chỉ (nếu có)
1					
	Tổng số				

Nơi nhận:

- Công bố Website;
- Lưu VT.Tr.



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Trọng Khiêm

